ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Số: 43.../TB-ĐHKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 01 năm 2014

THÔNG BÁO

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II NĂM HỌC 2013 - 2014 KHÓA 11

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
1	ENE121	2	Cơ sở kinh tế học(213)_L01	70	54															Học cuốn chiếu
2	ENE121	2	Cơ sở kinh tế học(213)_L02	70	70															Học cuốn chiếu
3	ICS241	4	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông(213)_L01	70	70	17/02-18/05/14	13							9,10	M302					
																10,11,12	M403			
4	ICS241	4	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông(213)_L02	70	70	17/02-18/05/14	13							11,12	M302					
																7,8,9	M403			
5	LAG132	3	Đại số tuyến tính & hình học giải tích A2(213)_L01	65	65	17/02-18/05/14	13	7,8	M101											
																		7,8,9	M101	
6	LAG132	3	Đại số tuyến tính & hình học giải tích A2(213)_L02	65	66	17/02-18/05/14	13	9,10	M101											
																		10,11,12	M101	
7	GEE121	2	Dân tộc học đại cương(213)_L01	85	85	17/02-18/05/14	13			7,8,9	M404									
8	GEE121	2	Dân tộc học đại cương(213)_L02	85	66	17/02-18/05/14	13					1,2,3	M101							
9	GEE121	2	Dân tộc học đại cương(213)_L03	85	84	17/02-18/05/14	13											7,8,9	M304	
10	GEE121	2	Dân tộc học đại cương(213)_L04	85	83	17/02-18/05/14	13											10,11,12	M304	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
11	GEE121	2	Dân tộc học đại cương(213)_L06	85	71	17/02-18/05/14	13	10,11,12	M304											
12	GEE121	2	Dân tộc học đại cương(213)_L07	85	63	17/02-18/05/14	13	7,8,9	M304											
13	GEE121	2	Dân tộc học đại cương(213)_L08	100	100	17/02-18/05/14	13			10,11,12	M304									
14	GEE121	2	Dân tộc học đại cương(213)_L10	85	85	17/02-18/05/14	13			10,11,12	M301									
15	GEE121	2	Dân tộc học đại cương(213)_L11	85	55	17/02-18/05/14	13					10,11,12	M201							
16	GGE221	2	Địa chất đại cương(213)_L01	90	90	17/02-18/05/14	13									10,11,12	M204			
17	GGE221	2	Địa chất đại cương(213)_L02	90	90	17/02-18/05/14	13									7,8,9	M204			
18	VCP131	3	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam(213)_L01	80	80	17/02-18/05/14	13			4,5	M101									
																11,12	M101			
19	VCP131	3	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam(213)_L02	80	43	17/02-18/05/14	13							4,5	M101					
																		4,5	M101	
20	ANA142	3	Giải tích A2(213)_L01	65	63	17/02-18/05/14	13									9,10	M101			
																		3,4	M103	
21	ANA142	3	Giải tích A2(213)_L02	65	63	17/02-18/05/14	13									7,8	M101			
																		1,2	M103	
22	ANB241	4	Giải tích B(213)_L01	65	63	17/02-18/05/14	13							7,8	M301					
																		7,8	M301	
23	ANB241	4	Giải tích B(213)_L02	65	35	17/02-18/05/14	13							9,10	M301					
																		9,10	M301	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
24	ANB241	4	Giải tích B(213)_L03	65	48	17/02-18/05/14	13							11,12	M301					
																		11,12	M301	
25	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L01	120	67	17/02-18/05/14	13	1,2,3	SB2											
26	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L02	120	61	17/02-18/05/14	13	10,11,12	SB1											
27	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L03	120	107	17/02-18/05/14	13			1,2,3	SB1									
28	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L04	120	85	17/02-18/05/14	13			1,2,3	SB2									
29	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L05	120	91	17/02-18/05/14	13			10,11,12	SB1									
30	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L06	120	120	17/02-18/05/14	13					1,2,3	SB1							
31	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L07	120	120	17/02-18/05/14	13					1,2,3	SB2							
32	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L08	120	82	17/02-18/05/14	13					10,11,12	SB1							
33	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L09	120	120	17/02-18/05/14	13							1,2,3	SB1					
34	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L10	120	119	17/02-18/05/14	13							1,2,3	SB2					
35	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L11	120	110	17/02-18/05/14	13							10,11,12	SB1					
36	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L12	120	72	17/02-18/05/14	13	1,2,3	SB1											
37	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L13	120	116	17/02-18/05/14	13									1,2,3	SB1			
38	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L14	120	119	17/02-18/05/14	13									1,2,3	SB2			
39	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L15	120	54	17/02-18/05/14	13									10,11,12	SB1			
40	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L16	120	82	17/02-18/05/14	13											1,2,3	SB1	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
41	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L17	120	97	17/02-18/05/14	13											1,2,3	SB2	
43	CHS131	3	Hóa cấu tạo(213)_L01	70	61	17/02-18/05/14	13					7,8	M101							
														7,8	M101					
44	CHS131	3	Hóa cấu tạo(213)_L02	70	68	17/02-18/05/14	13					9,10	M101							
														9,10	M101					
45	GEC131	3	Hóa đại cương(213)_L01	70	19	17/02-18/05/14	13					7,8	M103							
																		7,8	M204	
46	GEC131	3	Hóa đại cương(213)_L02	70	70	17/02-18/05/14	13					9,10	M103							
																		9,10	M204	
47	GEC131	3	Hóa đại cương(213)_L03	70	70	17/02-18/05/14	13					11,12	M103							
																		11,12	M204	
48	GEC131	3	Hóa đại cương(213)_L04	75	71	17/02-18/05/14	13			7,8	M202									
																7,8	M201			
49	GEC131	3	Hóa đại cương(213)_L05	75	75	17/02-18/05/14	13			9,10	M202									
																9,10	M201			
50	GEC131	3	Hóa đại cương(213)_L06	65	50	17/02-18/05/14	13	4,5	M103											
										4,5	M103									
51	GCL221	3	Khí hậu học đại cương(213)_L01	50	44															Học cuốn chiếu

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
53	ENS221	2	Khoa học môi trường đại cương(213)_L02	75	74	17/02-18/05/14	13	10,11,12	M302											
54	ENS221	2	Khoa học môi trường đại cương(213)_L03	75	64	17/02-18/05/14	13			7,8,9	M301									
55	GMS231	4	Khoa học quản lí đại cương(213)_L01	75	76															Học cuốn chiếu
56	GMS231	4	Khoa học quản lí đại cương(213)_L02	75	70															Học cuốn chiếu
1	IFM222	2	Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới(213)_L01	65	64	17/02-18/05/14	13							7,8,9	M404					
2	IFM222	2	Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới(213)_L02	65	58	17/02-18/05/14	13							10,11,12	M404					
57	IFM221	2	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam(213)_L01	65	63	17/02-18/05/14	13							1,2,3	M101					
58	IFM221	2	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam(213)_L02	65	59	17/02-18/05/14	13									1,2,3	M101			
59	GVH221	3	Lịch sử Việt Nam đại cương(213)_L01	50	30	17/02-18/05/14	13							7,8	M401					
																		11,12	M302	
60	LOG222	2	Logic học đại cương(213)_L01	55	55	17/02-18/05/14	13	10,11,12	M203											
61	LOG222	2	Logic học đại cương(213)_L02	80	79	17/02-18/05/14	13											1,2,3	M101	
62	INC221	2	Luật học so sánh(213)_L01	65	63	17/02-18/05/14	13	7,8,9	M404											
63	INC221	2	Luật học so sánh(213)_L02	65	60	17/02-18/05/14	13	10,11,12	M404											
64	GEA121	2	Mỹ học đại cương(213)_L01	85	78	17/02-18/05/14	13									1,2,3	M103			
65	GEA121	2	Mỹ học đại cương(213)_L02	85	88	17/02-18/05/14	13			7,8,9	M304									
66	PLM231	3	Ngôn ngữ Mathlab(213)_L01	50	44	17/02-18/05/14	13							3,4,5	M102					
67	TNE231	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 1(213)_L01	65	65	17/02-18/05/14	13					7,8,9	M301							

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
68	TNE231	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 1(213)_L02	65	55	17/02-18/05/14	13					10,11,12	M301							
69	TNE232	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 2(213)_L01	70	70	17/02-18/05/14	13					7,8,9	M401							
71	TNE232	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 2(213)_L03	65	65	17/02-18/05/14	13					10,11,12	M401							
72	TNE232	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 2(213)_L04	80	80	17/02-18/05/14	13					7,8,9	M302							
73	TNE232	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 2(213)_L05	80	80	17/02-18/05/14	13					10,11,12	M302							
74	TNE232	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 2(213)_L07	65	66	17/02-18/05/14	13									7,8,9	M302			
76	TNE232	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 2(213)_L09	65	65	17/02-18/05/14	13			7,8,9	M102									
77	TNE232	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 2(213)_L10	55	39	17/02-18/05/14	13			10,11,12	M203									
78	ISW321	3	Nhập môn công tác XH(213)_L01	85	74	17/02-18/05/14	13			7,8	M401									
																7,8	M401			
79	ISW321	3	Nhập môn công tác XH(213)_L02	85	84	17/02-18/05/14	13			9,10	M401									
																9,10	M401			
80	IST331	3	Nhập môn Khoa học Du lịch(213)_L01	50	29															Học cuốn chiếu
81	IVS331	3	Nhập môn Việt Nam học(213)_L01	50	23	17/02-18/05/14	13									10,11	M103			
																		4,5	M202	
82	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(213)_L01	80	79	17/02-18/05/14	13									7,8,9	M104			
																		7,8,9	M104	
83	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(213)_L02	80	80	17/02-18/05/14	13									10,11,12	M104			
																		10,11,12	M104	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
84	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(213)_L03	80	80	17/02-18/05/14	13	7,8,9	M204											
										10,11,12	M104									
85	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(213)_L04	80	81	17/02-18/05/14	13	7,8,9	M104											
										10,11,12	M204									
86	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(213)_L05	80	50	17/02-18/05/14	13	10,11,12	M104											
										7,8,9	M204									
87	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(213)_L06	80	80	17/02-18/05/14	13	10,11,12	M204											
																7,8,9	M304			
88	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(213)_L07	80	80	17/02-18/05/14	13			7,8,9	M104									
																10,11,12	M304			
89	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(213)_L08	80	80	17/02-18/05/14	13					7,8,9	M304							
														7,8,9	M204					
90	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(213)_L09	80	80	17/02-18/05/14	13					10,11,12	M304							
														10,11,12	M204					
91	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(213)_L10	80	80	17/02-18/05/14	13					7,8,9	M104							
														10,11,12	M104					
92	MLP151	5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác Lênin(213)_L11	80	80	17/02-18/05/14	13					10,11,12	M104							
														7,8,9	M104					

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
93	INM231	3	Những vấn đề lớn của thời đại và khoa học lãnh đạo , quản lý hiện đại(213)_L01	65	56	17/02-18/05/14	13							8,9	M304					
																7,8	M404			
94	INM231	3	Những vấn đề lớn của thời đại và khoa học lãnh đạo , quản lý hiện đại(213)_L02	65	64	17/02-18/05/14	13							10,11	M304					
																9,10	M404			
1	HIS231	3	Phương pháp luận và nhập môn sử học(213)_L01	80	67	17/02-18/05/14	13	2,3	M404											
														4,5	M302					
95	VIM221	2	Phương pháp điền dã(213)_L01	70	69	17/02-18/05/14	13									10,11,12	M301			
96	VIM221	2	Phương pháp điền dã(213)_L02	70	35	17/02-18/05/14	13	1,2,3	M101											
97	EMP431	3	Phương trình toán lý 1(213)_L01	50	46	17/02-18/05/14	13					11,12	M101							
																		11,12	M201	
98	GEB121	2	Sinh học đại cương(213)_L01	70	23	17/02-18/05/14	13	7,8,9	M301											
99	GEB121	2	Sinh học đại cương(213)_L02	70	70	17/02-18/05/14	13	10,11,12	M301											
100	GEB121	2	Sinh học đại cương(213)_L03	70	70	17/02-18/05/14	13			7,8,9	M302									
101	CYT231	3	Tế bào học(213)_L01	75	76	17/02-18/05/14	13	7,8,9	M103											
102	CYT231	3	Tế bào học(213)_L02	75	76	17/02-18/05/14	13					7,8,9	M204							
103	SOS221	2	Thống kê xã hội học(213)_L01	70	70	17/02-18/05/14	13			10,11,12	M302									
104	SOS221	2	Thống kê xã hội học(213)_L02	70	70	17/02-18/05/14	13			1,2,3	M101									
105	SOS221	2	Thống kê xã hội học(213)_L03	70	70	17/02-18/05/14	13							10,11,12	M201					

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
106	SOS221	2	Thống kê xã hội học(213)_L04	70	70	17/02-18/05/14	13									7,8,9	M103			
107	SOS221	2	Thống kê xã hội học(213)_L06	70	70	17/02-18/05/14	13									7,8,9	M202			
108	SOS221	2	Thống kê xã hội học(213)_L07	75	75	17/02-18/05/14	13											7,8,9	M401	
109	SOS221	2	Thống kê xã hội học(213)_L08	75	75	17/02-18/05/14	13											10,11,12	M401	
110	SOS221	2	Thống kê xã hội học(213)_L09	70	72	17/02-18/05/14	13									10,11,12	M202			
111	SOS221	2	Thống kê xã hội học(213)_L10	70	71	17/02-18/05/14	13											1,2,3	M202	
112	HFG331	3	Thông tin học(213)_L02	50	28	17/02-18/05/14	13			11,12	M201									
														11,12	M401					
113	LIC131	3	Thư viện học đại cương(213)_L01	50	31	17/02-18/05/14	13			1,2,3	M103									
114	PGC421	2	Thực tập hóa đại cương(213)_L01	200	121	09/12-15/12/13	1													
115	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L01	55	55	17/02-18/05/14	13	7,8	M401											
														7,8	M203					
116	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L02	55	42	17/02-18/05/14	13	9,10	M401											
														9,10	M203					
117	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L03	55	46	17/02-18/05/14	13	11,12	M401											
														11,12	M203					
118	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L04	55	30	17/02-18/05/14	13	7,8	M102											
														7,8	M102					

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
119	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L05	55	54	17/02-18/05/14	13			7,8	M103									
																7,8	M303			
120	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L06	55	55	17/02-18/05/14	13			9,10	M103									
																9,10	M303			
121	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L07	55	55	17/02-18/05/14	13			11,12	M103									
																11,12	M303			
122	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L08	55	53	17/02-18/05/14	13	9,10	M102											
														9,10	M102					
123	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L09	55	53	17/02-18/05/14	13	11,12	M102											
														11,12	M102					
124	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L10	55	55	17/02-18/05/14	13					7,8	M102							
																		7,8	M103	
125	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L11	55	55	17/02-18/05/14	13					9,10	M102							
																		9,10	M103	
126	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L12	55	48	17/02-18/05/14	13					11,12	M102							
																		11,12	M103	
127	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L13	55	55	17/02-18/05/14	13					7,8	M303							
																		7,8	M303	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
128	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L14	55	55	17/02-18/05/14	13	7,8	M403											
														7,8	M403					
129	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L15	55	55	17/02-18/05/14	13	9,10	M403											
														9,10	M403					
130	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L16	55	25	17/02-18/05/14	13	11,12	M403											
														11,12	M403					
131	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L17	55	28	17/02-18/05/14	13					11,12	M403							
																		11,12	M403	
132	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L18	55	55	17/02-18/05/14	13			1,2	M102									
												1,2	M102							
133	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L19	55	32	17/02-18/05/14	13			3,4	M102									
												3,4	M102							
134	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L20	55	39	17/02-18/05/14	13			1,2	M404									
												7,8	M404							
135	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L21	55	55	17/02-18/05/14	13			3,4	M404									
												9,10	M404							
136	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L22	55	50	17/02-18/05/14	13					11,12	M404							
														4,5	M303					

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
137	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L23	55	55	17/02-18/05/14	13					9,10	M303							
																		9,10	M303	
139	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L25	55	53	17/02-18/05/14	13					7,8	M403							
																		7,8	M403	
140	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L26	55	33	17/02-18/05/14	13	11,12	M303											
														11,12	M303					
141	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L27	55	51	17/02-18/05/14	13			7,8	M303									
																7,8	M203			
142	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L28	55	54	17/02-18/05/14	13			9,10	M303									
																9,10	M203			
143	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L29	55	53	17/02-18/05/14	13			11,12	M303									
																11,12	M203			
144	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L30	55	52	17/02-18/05/14	13			7,8	M403									
																7,8	M102			
145	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L31	55	44	17/02-18/05/14	13			9,10	M403									
																9,10	M102			
146	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L32	55	55	17/02-18/05/14	13	7,8	M303											
														7,8	M303					

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
147	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L33	55	55	17/02-18/05/14	13	9,10	M303											
														9,10	M303					
148	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L34	55	54	17/02-18/05/14	13					9,10	M403							
																		9,10	M403	
149	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L36	55	55	17/02-18/05/14	13			11,12	M403									
																11,12	M102			
150	PVN221	2	Tiếng Việt thực hành(213)_L01	70	54															Học cuốn chiếu
151	PVN221	2	Tiếng Việt thực hành(213)_L02	70	70	17/02-18/05/14	13									11,12	M404			
152	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L01	65	34	17/02-18/05/14	13	1,2,3	M103											
153	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L02	65	62	17/02-18/05/14	13					1,2,3	M103							
154	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L03	65	48	17/02-18/05/14	13							1,2,3	M103					
157	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L06	65	50	17/02-18/05/14	13									1,2,3	M201			
158	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L07	65	35	17/02-18/05/14	13			1,2,3	M502									
159	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L08	65	59	17/02-18/05/14	13					1,2,3	M502							
160	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L09	65	63	17/02-18/05/14	13	7,8,9	M502											
161	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L10	65	65	17/02-18/05/14	13	10,11,12	M502											
162	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L11	65	65	17/02-18/05/14	13			7,8,9	M502									
163	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L12	65	65	17/02-18/05/14	13			10,11,12	M502									

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
164	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L13	65	61	17/02-18/05/14	13							1,2,3	M502					
165	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L14	65	59	17/02-18/05/14	13									1,2,3	M502			
168	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L17	65	53	17/02-18/05/14	13											7,8,9	M404	
169	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L18	65	65	17/02-18/05/14	13					1,2,3	M301							
170	GEG221	3	Trắc địa &TTTĐ đại cương(213)_L01	90	91															Học cuốn chiếu
171	GEG221	3	Trắc địa &TTTĐ đại cương(213)_L02	90	91															Học cuốn chiếu
172	VFL321	4	Văn học dân gian(213)_L01	80	80	17/02-18/05/14	13									7,8,9	M301			
																		9,10	M302	
173	GPH141	4	Vật lý đại cương 1(213)_L01	70	70	17/02-18/05/14	13	7,8	M202											
																		7,8	M201	
174	GPH141	4	Vật lý đại cương 1(213)_L02	70	58	17/02-18/05/14	13	11,12	M103											
										7,8	M101									
175	GPH141	4	Vật lý đại cương 1(213)_L03	70	70	17/02-18/05/14	13	9,10	M202											
																		11,12	M202	
176	GPH141	4	Vật lý đại cương 1(213)_L04	70	70	17/02-18/05/14	13	11,12	M101											
										9,10	M101									
177	GPH141	4	Vật lý đại cương 1(213)_L05	70	70	17/02-18/05/14	13					7,8	M202							
														7,8	M202					

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
178	GPH141	4	Vật lý đại cương 1(213)_L06	70	70	17/02-18/05/14	13					9,10	M202							
														9,10	M202					
179	GPH141	4	Vật lý đại cương 1(213)_L07	70	70	17/02-18/05/14	13					11,12	M202							
														11,12	M202					
180	GPH141	4	Vật lý đại cương 1(213)_L08	75	74	17/02-18/05/14	13							11,12	M101					
																		7,8	M302	
181	GPH141	4	Vật lý đại cương 1(213)_L09	70	71	17/02-18/05/14	13	4,5	M101											
										11,12	M101									
182	GPH141	4	Vật lý đại cương 1(213)_L10	75	75	17/02-18/05/14	13							7,8	M302					
																		9,10	M201	

CÁC LỚP HỌC PHẦN HỦY DO KHÔNG ĐỦ SỐ LƯỢNG SINH VIÊN ĐĂNG KÝ

1	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2(213)_L18	120	14	17/02-18/05/14	13											10,11,12	SB1	
2	ENS221	2	Khoa học môi trường đại cương(213)_L01	75	14	17/02-18/05/14	13	7,8,9	M302											
3	TNE232	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 2(213)_L02	70	0	17/02-18/05/14	13							10,11,12	M103					
4	TNE232	3	Ngôn ngữ Tày Nùng 2(213)_L08	65	5	17/02-18/05/14	13									10,11,12	M302			
5	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L15	65	2	17/02-18/05/14	13											1,2,3	M302	
6	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L16	65	5	17/02-18/05/14	13											10,11,12	M404	
7	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L04	65	0	17/02-18/05/14	13											1,2,3	M201	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
								Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
8	GIF131	3	Tin học đại cương(213)_L05	65	1	17/02-18/05/14	13	1,2,3	M502											
9	ENG132	3	Tiếng Anh 2(213)_L24	55	11	17/02-18/05/14	13					11,12	M303							
																		11,12	M303	

GHI CHÚ:

- Môn giáo dục thể chất 2 học tại sân bóng rổ trường CNTT-TT;
- Những SV đã có đăng ký danh sách học bổ sung, SV các lớp hủy vào tài khoản cá nhân xem lịch học chính thức sau ngày 15/2/2014;
- Các môn thực tập, thực tế; giờ thực hành, thí nghiệm các khoa/bộ môn lập kế hoạch và gửi các phòng chức năng;
- Đối với những môn học cuốn chiếu đề nghị các khoa/ bộ môn chủ động lên kế hoạch và liên hệ trực tiếp với phòng Đào tạo để xếp phòng học.
- Phân bố thời gian học từng ngành xem kế hoạch tổng thể năm học.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Các Khoa/BM;
- Các phòng chức năng;
- Edocman, SMS;
- Website;
- Lưu: VT, ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PGS.TS Trịnh Thanh Hải